

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ	2
Phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	13 - 14
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01 - QĐT)	15
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ (Mẫu số B 02 - QĐT)	16
Báo cáo tài sản giữa niên độ (Mẫu số B 05 - QĐT)	17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ (Mẫu số B 06 - QĐT)	18
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ (Mẫu số B 07 - QĐT)	19
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 04 - QĐT)	20 - 41

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng

Số 108/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng

Số 28/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022 và có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký

Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Duy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Thành viên
Bà Lại Hải Hồng	Thành viên
Ông Cao Phạm Hoàng Long	Thành viên

(đến ngày 23/4/2024)

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Trụ sở đăng ký

Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đơn vị Kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi giả định Quỹ hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Quang là Giám đốc Quản lý Quỹ để phê duyệt và ký báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Thư Ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2023.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo đây, Ban Đại diện Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đính kèm từ trang 15 đến trang 41. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ đóng.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Văn Ngọc
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (“QUỸ”)

1.1 Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định trên Giấy chứng nhận, Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

Chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FUCTVGF4 theo Quyết định 659/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tổng Giám đốc của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch từ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”): hàng tuần.

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính phủ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, NAV của Quỹ giảm 9,41% so với NAV của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi giá trị danh mục đầu tư của Quỹ giảm 10,98% so với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ

Đầu tư vào những doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững: Những doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.

Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao: Quỹ tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn: Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch: Kinh nghiệm và tổ chức của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b ở trên tại các ngân hàng thương mại đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b mục 1.3 của báo cáo này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 1.3 của báo cáo này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng công ty mẹ.
 - d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e mục 1.3 của báo cáo này;
 - e) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a mục 1.3 của báo cáo này; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
 - f) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.3 Chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

2. Công ty Quản lý Quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f của khoản 1 mục này, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười phần trăm (10%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 mục này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ, mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
 - e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (3) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 mục này, Công ty Quản lý Quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 mục này.
5. Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, Công ty Quản lý Quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng đóng theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2022 do UBCKNN cấp. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

1.6 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam/chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một chứng chỉ quỹ ở thời điểm báo cáo

Trong Quý II năm 2024, Quỹ đã thực hiện chi trả lợi nhuận bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá (1 chứng chỉ quỹ nhận được 1.000 Đồng) cho nhà đầu tư. Thông tin đã được công bố tại Thông báo số 928/TB-SGDHCM ngày 7 tháng 5 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 15 tháng 5 năm 2024, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 16 tháng 5 năm 2024 và lợi nhuận đã được thanh toán vào ngày 3 tháng 6 năm 2024.

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Tại ngày		
	30/6/2024	30/6/2023	30/6/2022
	%	%	%
1. Danh mục chứng khoán	96,91	84,24	-
2. Tiền và tương đương tiền	1,51	14,19	100,00
3. Tài sản khác	1,58	1,57	-
Tổng cộng	<u>100,00</u>	<u>100,00</u>	<u>100,00</u>

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2 SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

	Tại ngày 30/6/2024/ Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024	Tại ngày 30/6/2023/ Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	Tại ngày 30/6/2022/ Giai đoạn từ ngày thành lập Quỹ đến ngày 30/6/2022
1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	216.298.409.649	227.897.617.775	200.623.930.219
2. Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (số lượng)	20.060.000	20.060.000	20.060.000
3. NAV của 1 đơn vị CCQ (VND)	10.783	11.361	10.001
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.629	11.383	Không áp dụng
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	10.783	9.684	Không áp dụng
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	13.100	14.850	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	14.000	14.850	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	13.100	14.850	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ (%) (*)	(1,01)	21,00	0,01
9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(2,09)	13,54	-
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,08	7,46	0,01
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	1.000	-	-
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	969	-	-
12. Ngày chốt quyền	16/05/2024	Không có	Không có
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	0,79	0,73	-
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	72	59,10	-

(*) Tỷ lệ tăng trưởng này đã bao gồm các lần phân phối thu nhập của Quỹ cho nhà đầu tư qua các thời kỳ.

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%) (*)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) (*)
1 năm	3,71	3,71
Từ khi thành lập đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	17,83	8,52

(*) Tỷ lệ tăng trưởng này đã bao gồm các lần phân phối thu nhập của Quỹ cho nhà đầu tư qua các thời kỳ.

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Tại ngày		
	30/6/2024	30/6/2023	30/6/2022
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ (*)	3,71	13,59	Không xác định (**)

(*) Tỷ lệ tăng trưởng này đã bao gồm các lần phân phối thu nhập của Quỹ cho nhà đầu tư qua các thời kỳ.

(**) Không xác định được do thời gian hoạt động của Quỹ dưới một năm tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3 MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ BÁO CÁO

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu 2024 với các thông tin hỗ trợ như kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định, nền lãi suất thấp,... cộng hưởng với việc Quốc hội chính thức thông qua các luật, nghị quyết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nền kinh tế đã hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư và dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông và áp lực tỷ giá khiến Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp như phát hành tín phiếu, bán dự trữ USD và tăng lãi suất OMO đã khiến tâm lý thị trường đảo chiều. Tính đến ngày 28 tháng 6 năm 2024, VNIndex đóng cửa ở mức 1.245 điểm tăng 10,2% so với đầu năm, tương đương mức P/E là 13,9 và P/B là 1,7. Vốn hóa toàn thị trường đạt 5.097 nghìn tỷ đồng, tăng gần 13% so với cuối năm 2023.

Thanh khoản thị trường cũng cải thiện đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2024 bất chấp áp lực chốt lời và áp lực bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài. Đáng chú ý, trong tháng 3, thanh khoản thị trường đã tăng khá nhanh, có phiên ghi nhận mức thanh khoản tăng đột biến với giá trị giao dịch đạt 43.080 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, thanh khoản trung bình của VNIndex đạt 21.776 tỷ đồng, tăng 29% so với bình quân 2023.

Khỏi ngoại tiếp tục đã bán ròng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") trong 6 tháng đầu năm trước áp lực bị rút ròng của các quỹ ETF. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, giá trị bán ròng trên HOSE đạt 52.037 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với tổng giá trị bán ròng cả năm 2023 là 24.466 tỷ đồng.

4 CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	7,53	18,53
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(3,82)	(0,71)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	3,71	17,83
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	3,71	8,52
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Chưa phát sinh	Chưa phát sinh
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	(11,78)	31,00

Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Tỷ lệ thay đổi %
NAV của Quỹ	216.298.409.649	227.897.617.775	(5,09)
NAV trên 1 đơn vị CCQ	10.783	11.361	(5,09)

4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ %
Dưới 5.000	113	23.600	0,12
Từ 5.000 – dưới 10.000	1	5.000	0,02
Từ 10.000 – dưới 50.000	5	175.000	0,87
Từ 50.000 – 500.000	7	1.400.000	6,98
Trên 500.000	7	18.456.400	92,01
Tổng cộng	133	20.060.000	100,00

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5 THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng nền kinh tế đạt 6,4%, cao hơn mức tăng 3,7% trong 6 tháng đầu năm 2023, nhờ các động lực của nền kinh tế dần hồi phục và được hỗ trợ bởi mức nền thấp cùng kỳ.

Bước sang nửa cuối năm 2024, các động lực tăng trưởng dự báo sẽ tiếp tục được duy trì, bất chấp hiệu ứng nền thấp sẽ dần biến mất, từ đó củng cố xu hướng tích cực của thị trường chứng khoán, nhờ: (1) FED phát tín hiệu giảm lãi suất trước khi đạt mức lạm phát mục tiêu khiến DXY hạ nhiệt, nhờ đó giúp áp lực tỷ giá trong nước được giảm bớt; (2) tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng tốc trong nửa sau 2024; (3) hoạt động xuất nhập khẩu lấy lại đà tăng trong những tháng cuối năm, giá trị nhập khẩu nguyên liệu tăng tốt trong 5 tháng đầu năm (+17,3% so với cùng kỳ), cho thấy khả năng thúc đẩy xuất khẩu trong những tháng tiếp theo; (4) lực bán của các quỹ ETF dự kiến giảm bớt do Black Rock đã gần hoàn tất việc đóng quỹ iShares Frontier và Select EM ETF, và hơn 2/3 lượng tiền đổ vào các quỹ ETF Việt Nam giai đoạn 2022-2023 đã được rút ra; và (5) triển vọng FTSE nâng hạng thị trường chứng khoán khi Việt Nam lên thị trường mới nhờ những tiến triển trong việc loại bỏ yêu cầu ký quỹ trước giao.

6 THÔNG TIN KHÁC

Nhân sự điều hành của Quỹ gồm có:

- Ông Trần Vinh Quang, Cử nhân Tài chính, ACCA (Hiệp hội kế toán công chứng Anh), CFA (Hiệp hội chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông hiện là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM").
- Ông Nguyễn Duy Quang, Cử nhân Kinh tế. Ông hiện là Giám đốc quản lý quỹ của TVAM.

Ban Đại diện Quỹ gồm có:

- Ông Nguyễn Văn Ngọc, Chủ tịch, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông từng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Xây lắp Hóa chất thuộc Bộ Công nghiệp từ tháng 1 năm 1991 đến tháng 1 năm 2013, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp H36 từ tháng 2 năm 2013 đến nay.
- Ông Nguyễn Hữu Duy, Thành viên, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp và chứng chỉ CFA cấp độ 1. Ông từng giữ chức vụ Giám sát tài chính của Công ty APL-NOL Việt Nam từ tháng 8 năm 2001 đến tháng 8 năm 2009, Phó Phòng phụ trách Nghiên cứu đầu tư của Công ty CP Chứng khoán MBS từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 2 năm 2014, Quản lý phụ trách Dự án Ngân hàng Đầu tư của Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại Thương từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 4 năm 2016, Trưởng phòng phân tích cổ phiếu của TVS từ tháng 8 năm 2016 đến nay.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền, Thành viên, Cử nhân Kế toán Kiểm toán. Bà từng giữ chức vụ Chuyên viên Phân tích Thống kê thuộc Phòng Quản lý Đại lý của Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 2 năm 2007, Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng của Công ty Liên doanh Lafarge Xi Măng từ tháng 3 năm 2007 đến tháng 1 năm 2010, Trưởng phòng Cung ứng của Công ty CP Xi Măng Đỉnh Cao từ tháng 3 năm 2010 đến tháng 12 năm 2014, Trưởng phòng Cung ứng của chi nhánh TPHCM - Công ty TNHH Xi măng SCG Việt Nam từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 11 năm 2020, Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng của TVS từ tháng 5 năm 2021 đến nay.
- Bà Lại Hải Hồng, Thành viên, Cử nhân Luật Kinh tế và Cử nhân Kế toán. Bà từng giữ chức Trợ lý Luật sư của Công ty Luật TNHH Chính Nghĩa Luật từ tháng 10 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012, Kế toán của Công ty TNHH Đầu tư Ba Sao từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 4 năm 2015, Kế toán của TVAM từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 1 năm 2016, Kiểm soát nội bộ của TVAM từ tháng 1 năm 2016 đến nay.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6 THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ban điều hành của Công ty Quản lý Quỹ gồm có:

- Ông Trần Vinh Quang, Cử nhân Tài chính, ACCA (Hiệp hội kế toán công chứng Anh), CFA (Hiệp hội chuyên viên phân tích tài chính Mỹ). Ông hiện là Tổng giám đốc của TVAM.
- Ông Nguyễn Duy Quang, Cử nhân Kinh tế. Ông hiện là Giám đốc quản lý quỹ của TVAM.



Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi, Ngân hàng Giám sát Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ đóng, Điều lệ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ đóng, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ: trong kỳ Quỹ không thực hiện phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.
- e) Về hoạt động phân phối lợi tức: Ngày 02/05/2024, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt công bố thông tin Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 thông qua phương án chi trả lợi tức bằng tiền cho Nhà đầu tư. Tỷ lệ chi trả lợi tức là 10% (01 Chứng chỉ quỹ được nhận 1.000 đồng). Ngày đăng ký cuối cùng: 16/05/2024; Ngày thanh toán: 03/06/2024.
- f) Hoạt động khác: Ngày 24/04/2024, Đại hội Nhà đầu tư thường niên của Quỹ đã được tổ chức thành công.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Bà Vũ Minh Hồng
Phó Giám đốc Phòng Giao dịch
và Dịch vụ Chứng khoán



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2024 và được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn ngày 13 tháng 8 năm 2024. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo tài sản giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 15 đến trang 41.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ")

Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán ("Quyết định 63/2005/QĐ-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020/TT-BTC") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ đóng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động và thay đổi giá trị tài sản ròng của Quý cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ đóng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM15802
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
			30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
A. TÀI SẢN				
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	5.1	3.304.291.602	23.192.655.099
120	2. Đầu tư chứng khoán	5.2	212.502.500.000	208.457.756.786
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	5.3	3.478.000.000	14.669.435.889
200	TỔNG TÀI SẢN		219.284.791.602	246.319.847.774
B. NGUỒN VỐN				
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		2.986.381.953	7.553.965.707
311	2. Phải trả hoạt động đầu tư	5.4	2.916.500.000	4.035.500.000
315	5. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	5.5	12.733.271	3.451.307.691
318	6. Phải trả khác	5.6	57.148.682	67.158.016
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		216.298.409.649	238.765.882.067
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	5.7	200.600.000.000	200.600.000.000
411	1.1 Vốn góp	5.7	200.600.000.000	200.600.000.000
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	5.8	15.698.409.649	38.165.882.067
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		219.284.791.602	246.319.847.774

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày	
		30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Chứng khoán theo mệnh giá		125.000.000.000	151.200.000.000



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc Quản lý Quỹ
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Phạm Uyên Vy

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 20 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
			2024 VND	2023 VND
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN				
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		4.475.367.418	15.555.137.110
11	1. Cổ tức được nhận	6.1	1.728.000.000	1.350.000.000
12	2. Lãi trái phiếu được nhận	6.2	643.066.850	2.258.214.805
13	3. Lãi tiền gửi		35.496.303	204.424.935
14	4. Thu nhập bán chứng khoán	6.3	2.068.804.265	11.742.497.370
30	II. Chi phí		(1.896.542.799)	(1.507.683.100)
31	1. Phí quản lý quỹ	7(a)	(1.203.323.053)	(1.009.526.555)
32	2. Phí lưu ký, giám sát quỹ	7(a)	(162.007.683)	(119.827.309)
34	4. Chi phí kiểm toán		(44.000.000)	(42.499.998)
38	6. Phí và chi phí khác	6.4	(487.212.063)	(335.829.238)
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ		2.578.824.619	14.047.454.010
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN				
60	I. Thu nhập		378.385.476	8.252.270.335
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5.2	378.385.476	8.252.270.335
70	II. Chi phí		(5.364.682.513)	17.248.395.123
71	1. (Lỗ)/hoàn nhập chênh lệch lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	5.2	(5.364.682.513)	17.248.395.123
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ		(4.986.297.037)	25.500.665.458
90	(Lỗ)/lợi nhuận trong kỳ		(2.407.472.418)	39.548.119.468



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc Quản lý Quỹ
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Phạm Uyên Vy

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 20 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO TÀI SẢN GIỮA NIÊN ĐỘ

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày	
		30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
1	Tiền	3.304.291.602	23.192.655.099
2	Các khoản đầu tư	212.502.500.000	208.457.756.786
2.1	Trái phiếu	-	28.780.756.786
2.1.1	Trái phiếu niêm yết	-	9.555.936.000
2.1.2	Trái phiếu chưa niêm yết	-	19.224.820.786
2.2	Cổ phiếu	212.502.500.000	179.677.000.000
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	212.502.500.000	179.677.000.000
3	Cổ tức được nhận	-	200.000.000
4	Lãi được nhận	-	2.284.935.889
5	Tiền bán chứng khoán phải thu	3.478.000.000	12.184.500.000
	Tổng tài sản	219.284.791.602	246.319.847.774
6	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	2.916.500.000	4.035.500.000
7	Phải trả khác	69.881.953	3.518.465.707
	Tổng nợ	2.986.381.953	7.553.965.707
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ	216.298.409.649	238.765.882.067
8	Tổng số chứng chỉ quỹ	20.060.000	20.060.000
9	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	10.783	11.903



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc Quản lý Quỹ
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 20 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG GIỮA NIÊN ĐỘ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2024 VND	2023 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	238.765.882.067	188.349.498.307
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	(22.467.472.418)	39.548.119.468
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(2.407.472.418)	39.548.119.468
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	(20.060.000.000)	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	216.298.409.649	227.897.617.775



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Duy Quang
 Giám đốc Quản lý Quỹ
 Chữ ký được ủy quyền
 Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Phạm Uyên Vy
 Người lập

Signature

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
 Nguyễn Thị Anh Tú
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

STT	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị thị trường tại ngày 30/6/2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			212.502.500.000	96,91
1	DXS	5.400.000	7.080	38.232.000.000	17,43
2	VPB	1.470.000	18.650	27.415.500.000	12,50
3	VRE	1.340.000	20.450	27.403.000.000	12,50
4	PVD	980.000	28.800	28.224.000.000	12,87
5	HPG	870.000	28.300	24.621.000.000	11,23
6	KBC	580.000	29.000	16.820.000.000	7,67
7	NVL	580.000	13.300	7.714.000.000	3,52
8	HSG	560.000	23.900	13.384.000.000	6,10
9	HCM	470.000	26.200	12.314.000.000	5,62
10	VNM	250.000	65.500	16.375.000.000	7,47
II	Tài sản khác			3.478.000.000	1,58
1	Phải thu bán chứng khoán			3.478.000.000	1,58
IV	Tiền gửi ngân hàng			3.304.291.602	1,51
1	Tiền gửi ngân hàng			3.304.291.602	1,51
V	Tổng giá trị danh mục			219.284.791.602	100,00



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Phạm Uyên Vy

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Nguyễn Thị Anh Tú

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 20 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 28/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 30 tháng 6 năm 2022. Theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập này, Quỹ được phép phát hành 20.060.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 Đồng Việt Nam. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian là 5 năm.

Chứng chỉ quỹ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã chứng khoán FUCTVGF4 theo Quyết định 659/QĐ-SGDHCM ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tổng Giám đốc của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch từ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"): hàng tuần.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty Quản lý Quỹ quản lý. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng Giám sát") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam và đăng ký giao dịch trên UPCoM, doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính phủ.

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam;
- e) Trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
- f) Các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 4 (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:

- i) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b như trên được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f như trên mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau; thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau, nhóm công ty con có cùng công ty mẹ.
- iv) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm e như trên;
- v) Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a như trên; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- vi) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó.

Tính thời vụ của Quỹ

Hoạt động kinh doanh của Quỹ trong kỳ kế toán giữa niên độ đối với báo cáo tài chính giữa niên độ không chịu ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

3 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ đóng theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2005 về chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán ("Quyết định 63/2005/QĐ-BTC"), Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho quỹ đóng.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ và thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ
2. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ
3. Báo cáo tài sản giữa niên độ
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ
5. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các khoản đầu tư

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch. Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Quỹ có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Đầu tư chứng khoán". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu hoạt động đầu tư" trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Đầu tư chứng khoán" trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị hợp lý/giá trị đánh giá lại. Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi dự thu lũy kế của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu hoạt động đầu tư" trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Đánh giá lại

Phương pháp đánh giá lại khoản đầu tư được áp dụng theo Sổ tay Định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Cụ thể như sau:

(a) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán; cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM*

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết được đánh giá theo giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM được đánh giá theo giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(b) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- (i) Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan.
- (ii) Trường hợp giá nêu tại điểm (i) nêu trên không xác định được, các cổ phiếu này được định giá là một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình từ hai (2) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(c) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(d) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

(e) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

- (i) Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).
- (ii) Các trái phiếu không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức sau:
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đánh giá lại (tiếp theo)

(f) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(g) Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng

Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng được định giá bằng giá mua cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

(h) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi dự thu lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Thu nhập hoặc chi phí do đánh giá lại khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được đánh giá lại hàng tuần theo kỳ định giá NAV của Quỹ. Giá trị tăng và giá trị giảm của mỗi kỳ định giá được ghi nhận trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ. Các khoản thu nhập hoặc chi phí chưa thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa giá trị tăng hoặc giá trị giảm do đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

4.2 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

4.3 Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho số lượng chứng chỉ quỹ đã phát hành tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ tổng nợ phải trả.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ và các khoản đầu tư ngắn hạn dưới ba (3) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ sau khi được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

4.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

4.7 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư:

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78/2014/TT-BTC") và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111/2013/TT-BTC") cùng các thông tư sửa đổi, bổ sung sau này và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài Chính về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư trong nước, tổ chức đầu tư trong nước chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh (nếu có) từ khoản cổ tức đó. Khi Quỹ trả cổ tức cho tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần khấu trừ thuế TNDN cổ tức được phân phối (ngoại trừ phần cổ tức được phân phối đã chịu thuế TNDN ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành).

Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân (cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn bằng 5% cổ tức được phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi:

- Quý có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra;
- Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và
- Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.9 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu và thu nhập:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Quý được xác lập. Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị thị trường của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi nhận được thông báo giao dịch từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Các khoản chi phí

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng. Chi phí của Quý chủ yếu bao gồm phí quản lý quỹ, phí giám sát, phí lưu ký xử lý hồ sơ và phí giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, Quý có thể phát sinh phí thưởng hoạt động trả cho Công ty Quản lý Quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị ròng của Quý cao hơn 8% trong năm tài chính. Mức thưởng hoạt động chỉ được tính vào cuối năm tài chính và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quý trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những quý liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quý căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.12 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Quý tham gia vào hoạt động đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động) hoặc đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý).

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Quý chỉ bao gồm một lĩnh vực kinh doanh là đầu tư chứng khoán theo mục tiêu và chính sách đầu tư được đề cập trong Điều lệ Quý.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Quý được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Các công ty được đầu tư trong danh mục của Quý cũng được thành lập và hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Quý không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về thị trường hay khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quý nhận định là Quý chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

4.13 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	3.304.291.602	18.192.655.099
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	5.000.000.000
	<u>3.304.291.602</u>	<u>23.192.655.099</u>

(i) Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi không kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Giám sát.

5.2 Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được đầu tư như trên Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 4.1, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 30/6/2024 VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	213.924.486.442	8.626.288.095	(10.048.274.537)	212.502.500.000

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết	176.068.625.405	8.247.902.619	(4.639.528.024)	179.677.000.000
Trái phiếu (i)	28.824.820.786	-	(44.064.000)	28.780.756.786
	<u>204.893.446.191</u>	<u>8.247.902.619</u>	<u>(4.683.592.024)</u>	<u>208.457.756.786</u>
Chênh lệch do đánh giá lại các khoản đầu tư		<u>378.385.476</u>	<u>(5.364.682.513)</u>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND	Lãi suất		Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
				Hình thức	%/năm		
Trái phiếu niêm yết							
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt – LPB122010	96.000	9.600.000.000	9.555.936.000	Thả nổi	Lãi suất tham chiếu + 1,90%	28/02/2022	28/02/2029
Trái phiếu chưa niêm yết							
Ngân hàng Thương mại Việt Nam Thương Tín – VBB12207	1.700	19.224.820.786	19.224.820.786	Thả nổi	Năm (5) năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,70% Hai (2) năm cuối: Lãi suất tham chiếu + 3,50%	09/02/2022	09/02/2029
		<u>28.824.820.786</u>	<u>28.780.756.786</u>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 Phải thu hoạt động đầu tư

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu bán chứng khoán (*)	3.478.000.000	12.184.500.000
Phải thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	-	2.284.470.136
Phải thu cổ tức	-	200.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	465.753
	<u>3.478.000.000</u>	<u>14.669.435.889</u>

(*) Phải thu bán chứng khoán thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các cổ phiếu niêm yết được thanh toán trước 13 giờ ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch, theo Quyết định số 109/QĐ-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2022.

5.4 Phải trả hoạt động đầu tư

Phải trả hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các cổ phiếu niêm yết được thanh toán trước 13 giờ ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch, theo Quyết định số 109/QĐ-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2022.

5.5 Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Phí lưu ký cố định (Thuyết minh 7(b))	9.012.434	10.091.676
Phí lưu ký xử lý hồ sơ (Thuyết minh 7(b))	1.918.350	4.866.000
Phí giám sát (Thuyết minh 7(b))	1.802.487	2.018.335
Phải trả thưởng hoạt động (Thuyết minh 7(b))	-	3.434.331.680
	<u>12.733.271</u>	<u>3.451.307.691</u>

5.6 Phải trả khác

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Phí kiểm toán	44.000.000	40.000.000
Phí giao dịch	9.591.750	23.212.750
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	3.556.932	3.945.266
	<u>57.148.682</u>	<u>67.158.016</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Vốn góp của các nhà đầu tư

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Vốn góp đầu và cuối kỳ	200.600.000.000	200.600.000.000

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 Đồng/chứng chỉ quỹ. Tất cả chứng chỉ quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn và các quyền khác ngang nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

5.8 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm (Lỗ)/lãi trong kỳ/năm	38.165.882.067 (2.407.472.418)	(12.250.501.693) 50.416.383.760
Phân phối lợi nhuận trong kỳ/năm (*)	(20.060.000.000)	-
Số dư cuối kỳ/năm	15.698.409.649	38.165.882.067

(*) Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2024 đã thông qua quyết định thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương đương 1.000 Đồng/chứng chỉ quỹ. Theo đó, Quỹ đã tiến hành chi trả lợi nhuận vào ngày 3 tháng 6 năm 2024 với tổng số tiền là 20.060.000.000 Đồng.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Cổ tức được nhận

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Cổ tức đã nhận	1.728.000.000	1.350.000.000

6.2 Lãi trái phiếu được nhận

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền lãi đã nhận	643.066.850	939.183.572
Dự thu tiền lãi	-	1.319.031.233
	643.066.850	2.258.214.805

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.3 Thu nhập bán chứng khoán

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Tổng giá trị bán VND	Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	133.805.532.000	129.194.169.963	4.611.362.037
Trái phiếu	26.282.263.014	28.824.820.786	(2.542.557.772)
	<u>160.087.795.014</u>	<u>158.018.990.749</u>	<u>2.068.804.265</u>

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:

	Tổng giá trị bán VND	Giá trung bình của các khoản đầu tư cho đến ngày giao dịch gần nhất VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	82.091.855.000	69.688.112.465	12.403.742.535
Cổ phiếu chưa niêm yết	13.492.000.000	14.124.000.000	(632.000.000)
Trái phiếu	34.290.702.000	34.319.947.165	(29.245.165)
	<u>129.874.557.000</u>	<u>118.132.059.630</u>	<u>11.742.497.370</u>

6.4 Phí và chi phí khác

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Phí giao dịch mua chứng khoán	243.502.845	137.482.915
Phí giao dịch bán chứng khoán	190.944.964	145.956.316
Phí lưu ký tháng trả VSDC	22.717.159	16.828.707
Phí và chi phí khác	30.047.095	35.561.300
	<u>487.212.063</u>	<u>335.829.238</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

- i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Phí quản lý Quỹ	1.203.323.053	1.009.526.555

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thường hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của một phần trăm (1%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào thời điểm đầu mỗi tháng. Mức thường hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm tài chính. Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị ròng của Quỹ cao hơn 8% trong năm tài chính.

- ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	35.496.303	148.868.772
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	162.007.683	119.827.309
- Phí lưu ký xử lý hồ sơ (*)	90.931.674	57.269.249
- Phí lưu ký cố định (**)	59.230.008	52.131.717
- Phí giám sát (**)	11.846.001	10.426.343

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành làm Ngân hàng Giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát khoản phí giám sát quỹ, phí lưu ký cố định và phí lưu ký xử lý hồ sơ.

- (*) Phí này được tính dựa trên giá trị giao dịch và thu tại ngày thanh toán giao dịch phát sinh. Tỷ lệ phí giao dịch được xác định như sau:

	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch
Tỷ lệ phí	0,03% giá trị giao dịch Tối đa 10 triệu Đồng/ ngày giao dịch	0,0075% giá trị giao dịch Tối đa 5 triệu Đồng/ ngày giao dịch

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành, Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (tiếp theo)

(**) Các phí này được tính hàng tháng dựa trên số ngày thực tế trong kỳ và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá.

Tỷ lệ phí giám sát và phí lưu ký cố định trong kỳ lần lượt như sau:

	Phí giám sát Quỹ	Phí lưu ký cố định
Tỷ lệ phí	0,01% NAV/năm	0,05% NAV/năm

iii) Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt, công ty mẹ của Công ty Quản lý Quỹ

**Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm**

	2024	2023
	VND	VND
Chia lợi nhuận Quỹ	2.556.400.000	-
Phí giao dịch mua bán chứng khoán	52.564.459	51.758.761

iv) Ban Đại diện Quỹ

**Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm**

	2024	2023
	VND	VND
Chia lợi nhuận Quỹ cho Ban Đại diện Quỹ	1.500.010.000	-

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2024 đã thông qua mức thù lao cho Ban Đại diện Quỹ năm 2024 là 75 triệu Đồng. Quỹ sẽ ghi nhận chi phí này trong báo cáo kết quả hoạt động khi thực hiện chi trả cho Ban Đại diện Quỹ. Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu trong hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt Phải trả thưởng hoạt động (Thuyết minh 5.5)	-	3.434.331.680
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Thành		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ (Thuyết minh 5.1)	3.304.291.602	18.192.655.099
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 5.1)	-	5.000.000.000
Phí lưu ký cố định phải trả (Thuyết minh 5.5)	9.012.434	10.091.676
Phí lưu ký xử lý hồ sơ phải trả (Thuyết minh 5.5)	1.918.350	4.866.000
Phí giám sát phải trả (Thuyết minh 5.5)	1.802.487	2.018.335
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt		
Vốn góp	25.564.000.000	25.564.000.000
Phí giao dịch phải trả	2.396.250	1.014.000
Thành viên Ban Đại diện Quỹ Góp vốn	15.000.100.000	15.000.100.000

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

(a) Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	Tại ngày/Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 %	30/6/2023 %
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	96,91	84,24
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	96,91	67,33
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	96,91	67,33
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng giá trị tài sản	-	-
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng giá trị tài sản	-	16,91
6. Tỷ lệ các loại đầu tư khác/Tổng giá trị tài sản	-	-
7. Tỷ lệ tiền/Tổng giá trị tài sản	1,51	14,19
8. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	2,08	11,22
9. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản (*)	3,12	(7,42)

(*) Chi phí bình quân bao gồm chi phí hoạt động của Quỹ và chi phí/(hoàn nhập) chi phí do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

8 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

(b) Các chỉ số thị trường

	Tại ngày/Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20.060.000	20.060.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM") và bên liên quan (%)	20,22	20,22
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất (%)	95,99	95,99
4. Tỷ lệ giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong kỳ (%)	0,50	0,005
5. Giá trị đơn vị quỹ (VND)	10.783	11.361
6. Số lượng chứng chỉ quỹ TVAM đang sở hữu	-	-

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh, trong đó bao gồm các chính sách quản lý rủi ro tài chính và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng; rủi ro thanh khoản; và rủi ro thị trường.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Ngân hàng Giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi không kỳ hạn được gửi tại tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ hoạt động của tổ chức tín dụng này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Quý không nắm giữ trái phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quý nắm giữ trái phiếu của tổ chức tín dụng có mức độ tín nhiệm cao nên rủi ro tín dụng được đánh giá là thấp.

Chứng khoán đầu tư của Quý chỉ được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được quy định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán được thanh toán hoặc chi trả vào thời điểm chuyển giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ bán chứng khoán niêm yết. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu này được đánh giá thấp do các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn và khoản phải thu có thời hạn thanh toán ngắn.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền và chứng khoán niêm yết, nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, tất cả các khoản nợ phải trả của Quý có thời hạn thanh toán dưới 1 năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quý bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Quý không chịu rủi ro lãi suất do Quý không có các khoản đầu tư hưởng lãi suất cố định. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ do Quý nắm giữ trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ.

Quý quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nếu giá chứng khoán tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 2.125.025.000 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.084.577.568 Đồng).

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính của Quý bao gồm:

- Tiền
- Công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác;
- Quyền theo hợp đồng để:
 - Nhận tiền mặt hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; hoặc
 - Trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện có thể có lợi cho Quý;
- Hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quý.

Nợ phải trả tài chính của Quý là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Quý hoặc là các hợp đồng sẽ hoặc có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Quý.

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính hiện chưa được đề cập trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC, Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các quỹ đóng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

9 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Do đó, Quý áp dụng phương pháp định giá tài sản ròng theo Điều lệ Quỹ và Sổ tay Định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính khác và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định bằng giá trị ghi sổ do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư				
- Trái phiếu	-	28.780.756.786	-	28.780.756.786
- Cổ phiếu niêm yết	212.502.500.000	179.677.000.000	212.502.500.000	179.677.000.000
Các khoản phải thu				
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.478.000.000	12.184.500.000	3.478.000.000	12.184.500.000
- Phải thu cổ tức	-	200.000.000	-	200.000.000
- Phải thu lãi trái phiếu và tiền gửi	-	2.284.935.889	-	2.284.935.889
Tiền và tương đương tiền	3.304.291.602	23.192.655.099	3.304.291.602	23.192.655.099
Tổng cộng	219.284.791.602	246.319.847.774	219.284.791.602	246.319.847.774
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán	2.916.500.000	4.035.500.000	2.916.500.000	4.035.500.000
Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	12.733.271	3.451.307.691	12.733.271	3.451.307.691
Phải trả khác	57.148.682	67.158.016	57.148.682	67.158.016
Tổng cộng	2.986.381.953	7.553.965.707	2.986.381.953	7.553.965.707

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

10 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

11 PHÊ CHUẨN PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được Ban Đại diện Quỹ phê chuẩn để phát hành vào ngày 13 tháng 8 năm 2024.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc Quản lý Quỹ
Chữ ký được ủy quyền

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Phạm Uyên Vy
Người lập

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

